

Số: **705/2025/DS-ST**
Ngày: 11/9/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hoa
2. Ông Trần Văn Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2025 tại Phòng xử án, trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2423/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2025/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 203/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N

Địa chỉ: Số 201-203 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bàn Cờ (Phường 4, Quận 3 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Nam Á ủy quyền lại cho ông **Trần Công M** (có mặt), ông **Nguyễn Minh H** (có mặt), bà **Nguyễn Lê Hoàng G** (xin vắng mặt)

(Theo Giấy ủy quyền số 1457/2023/UQQT-NHNA ngày 23/11/2023 của Ngân hàng TMCP Nam Á; Giấy ủy quyền số 826/2023/UQ-AMC ngày 23/11/2023, Giấy ủy quyền số 832A/2023/UQ-AMC ngày 23/11/2023 và Giấy ủy quyền số 1083/2025/UQ-AMC ngày 14/8/2025 của Công ty AMC – Nam A Bank)

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 62/01 đường Ngô Tất Tố, phường Thạnh Mỹ Tây (trước là Phường 19, quận Bình Thạnh), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 16/01/2019, nguyên đơn và bị đơn ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm phương án vay vốn, Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ số 0276/2019/000-CV, hạn mức sử dụng là 12,000,000 (mười hai triệu) đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 69,000,000 (sáu mươi chín triệu) đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng bao gồm gốc và lãi số tiền 68,302,000 (sáu mươi tám triệu ba trăm linh hai nghìn) đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 24/5/2022 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2024, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng cộng 19,227,315 (mười chín triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm mười lăm) đồng, bao gồm nợ gốc là 10,193,080 (mười triệu một trăm chín mươi ba nghìn không trăm tám mươi) đồng và tổng nợ lãi là 9,034,235 (chín triệu không trăm ba mươi tư nghìn hai trăm ba mươi lăm) đồng tạm tính đến ngày 31/01/2024, lãi tiếp tục tính cho đến khi trả dứt nợ gốc theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình từ khi Tòa án thụ lý đến ngày xét xử sơ thẩm nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến, không thể tiến hành hòa giải. Các tài liệu chứng cứ do nguyên giao nộp và Tòa án thu thập được ghi nhận trong biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 22/7/2025.

Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa ghi nhận vấn đề sau đây:

A. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng cộng là 26,705,392 (hai mươi sáu triệu bảy trăm lẻ năm nghìn ba trăm chín mươi hai) đồng, trong đó bao gồm nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn. Tại thời điểm kỳ tháng 02/2022 đến kỳ tháng 5/2022, bị đơn thanh toán không đủ số tiền tối thiểu nên phát sinh lãi trong hạn theo mức lãi suất là 30%/năm là 1,368,815 (một triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm mười lăm) đồng; đến ngày 24/5/2022 toàn bộ dư nợ còn thiếu được chuyển sang nợ quá hạn theo mức lãi suất quá hạn là 45%/năm, tạm tính đến ngày 11/9/2025 là 15,143,497 (mười lăm triệu một trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi bảy) đồng, lãi tiếp tục tính cho đến khi trả dứt nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận.

B. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và không có bản tự khai.

C. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định; về nội dung, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn; về án phí, bị đơn phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại số 62/01 Ngô Tất T, phường Thạnh Mỹ T (trước là Phường , quận B), Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân Khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân Khu vực, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực , Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn ủy quyền hợp lệ cho cá nhân tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 138, 141 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Lê Hoàng G có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có đơn xin xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn để làm rõ quá trình sử dụng thẻ nhưng bị đơn đều vắng mặt. Các thông tin về vụ kiện đã được niêm yết công khai nhưng không nhận được bất kỳ ý kiến phản hồi nào. Như vậy, bị đơn từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu của nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

[4] Theo thỏa thuận tại khoản 33 Điều 1, khoản 1 Điều 10, Điều 11, Điều 12 của Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của NBank (có hiệu lực từ 15/9/2017), do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng của chủ thẻ và tiến hành thu hồi nợ vay là đúng theo quy định tại các Điều 465, 470 của Bộ luật Dân sự 2015. Đồng thời, nguyên đơn áp dụng mức lãi suất quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) đối với toàn bộ dư nợ và chấm dứt quyền sử dụng thẻ, tiến hành việc thu hồi toàn bộ nợ khi chủ thẻ phát sinh sự kiện vi phạm theo Hợp đồng. Ngày 24/5/2022, dư nợ thẻ được chuyển thành nợ quá hạn, tổng cộng là 10,193,080 (mười triệu một trăm chín mươi ba nghìn không trăm tám mươi) đồng, bao gồm các giao dịch, phí trễ hạn, lãi, phí vượt hạn mức, phí rút tiền, phí thường niên được tính đúng theo thỏa thuận của hai bên và có căn cứ chấp nhận.

[5] Theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết số 01/2019/NĐ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất. Tại khoản 4 Điều 4 và khoản 2 Điều 100 của Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Theo quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng nhà nước quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng và khách hàng thì một năm là 365 ngày. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn bằng 45%/năm (150% của lãi suất trong hạn là 30%/năm theo Quyết định số 859/2018/QĐ-NHNA-16 có hiệu lực từ ngày 01/01/2019). Tại Bản Điều khoản và Điều kiện không ghi nhận lãi được tính theo ngày, tháng hay năm mà chỉ quy định lãi tính từ ngày ghi nợ hoặc từ giao dịch. Từ 24/02/2022 đến 24/5/2022, có 04 kỳ liên tiếp bị đơn không thanh toán số tiền tối thiểu nên nguyên đơn áp dụng mức lãi suất trong hạn 30%/năm là đúng theo thỏa thuận, tổng số tiền lãi trong hạn cộng với phí chậm thanh toán, phí rút tiền mặt tổng cộng là 1,368,815 (một triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm mười lăm) đồng. Tính từ ngày chuyển nợ quá hạn 24/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 1206 ngày, theo mức lãi suất quá hạn 45%/năm, tổng số tiền lãi quá hạn là 15,143,497 (mười lăm triệu một trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi bảy) đồng. Xét yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên về số tiền lãi với cách tính lãi như trên là đúng, có căn cứ chấp nhận.

[6] Với những lập luận trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị của Viện kiểm sát, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi là 26,705,392 (hai mươi sáu triệu bảy trăm linh năm nghìn ba trăm chín mươi hai) đồng.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 63, 85, 147, 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 229, 235, 266, 269, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 85, 116, 117, 118, 119, 134, 138, 141, 280, 357, 463, 465, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng nhà nước quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng và khách hàng

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NĐ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân Khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân Khu vực;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 26,705,392 (hai mươi sáu triệu bảy trăm linh năm nghìn ba trăm chín mươi hai) đồng, bao gồm nợ gốc là 10,193,080 (mười triệu một trăm chín mươi ba nghìn không trăm tám mươi) đồng, lãi trong hạn là 1,368,815 (một triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm mười lăm) đồng, lãi quá hạn là 15,143,497 (mười lăm triệu một trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi bảy) đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày ngày 16/01/2019. Việc thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nếu bị đơn không trả đủ số tiền trên thì phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí là 1,335,270 (một triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi) đồng.

Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 481,000 (bốn trăm tám mươi một nghìn) đồng theo Biên lai số 0023650 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực), Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV5, TPHCM;
- THADS TPHCM;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Thanh